ỦY BAN NHÂN DÂN **PHƯỜNG HỒNG BÀNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 872/QĐ-UBND	*Hồng Bàng, ngày 24 tháng 4 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách nhà nước năm 2025 của phường Hồng Bàng

UỶ BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG HỒNG BÀNG

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 08/8/2025 của Hội đồng nhân dân phường Hồng Bàng về Quyết định dự toán và phân bổ ngân sách phường năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của Hội đồng nhân dân phường Hồng Bàng về Quyết định điều chỉnh dự toán ngân sách phường năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 26/3/2026 của Hội đồng nhân dân phường Hồng Bàng về quyết định phê chuẩn quyết toán ngân sách phường năm 2025;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị phường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách nhà nước năm 2025 của phường Hồng Bàng gồm các Biểu đính kèm theo, cụ thể:.

- Biểu số 01/CK-NSNN: Quyết toán cân đối ngân sách địa phương năm 2025;

- Biểu số 02/CK-NSNN: Quyết toán nguồn thu ngân sách nhà nước trên địa bàn theo lĩnh vực năm 2025;

- Biểu số 03/CK-NSNN: Quyết toán chi ngân sách địa phương theo lĩnh vực năm 2025;

- Biểu số 04/CK-NSNN: Quyết toán chi ngân sách cấp xã theo lĩnh vực năm 2025;

- Biểu số 05/CK-NSNN: Quyết toán chi ngân sách địa phương, chi ngân sách cấp tỉnh và chi ngân sách cấp xã theo cơ cấu chi năm 2025;

- Biểu số 06/CK-NSNN: Quyết toán chi ngân sách cấp xã cho từng cơ quan, tổ chức theo lĩnh vực năm 2025;

- Biểu số 07/CK-NSNN: Quyết toán chi ngân sách địa phương năm 2025;

- Biểu số 08/CK-NSNN: Quyết toán chi bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách từng xã năm 2025;

- Biểu số 09/CK-NSNN: Quyết toán chi chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025;

Điều 2. Giao phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị phường căn cứ chức năng, nhiệm vụ thực hiện công khai ngân sách theo đúng quy định.

Điều 3. Các Ông (bà) Chánh Văn phòng HĐND và UBND phường, Trưởng phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị phường, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Khu vực III, Trưởng các phòng, ban, đơn vị liên quan căn cứ quyết định thực hiện./.

Nơi nhận:
- Chủ tịch, các PCT UBND phường;
- Như điều 3;
- Lưu: VT,TC-KH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

U.B.N.D PHƯỜNG HỒNG BÀNG T.P HẢI PHÒNG

Phạm Văn Đoan

UBND PHƯỜNG HỒNG BÀNG **Biểu số 01/CK-NSNN**

QUYẾT TOÁN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 872/QĐ-UBND ngày 24/4/2026 của Ủy ban nhân dân phường)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung (1)	Dự toán HĐND giao đầu năm	Quyết toán	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
A	**TỔNG NGUỒN THU NSĐP**	**609.819**	**782.733**	**172.914**	**128,35%**
I	**Thu NSĐP được hưởng theo phân cấp**	**30.240**	**58.136**	**27.896**	**192,25%**
-	Thu NSĐP hưởng 100%	27.448	54.368	26.920	198,08%
-	Thu NSĐP hưởng từ các khoản thu phân chia	2.792	3.768	976	134,96%
II	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**578.580**	**708.048**	**129.468**	**122,38%**
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	546.507	546.507	0	100,00%
2	Thu bổ sung có mục tiêu	32.073	161.541	129.468	503,67%
III	**Thu từ quỹ dự trữ tài chính**			0	
IV	**Thu kết dư**		**867**	**867**	
V	**Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang**	**1.000**	**15.681**	**14.681**	**1568,15%**
B	**TỔNG CHI NSĐP**	**609.819**	**780.725**	**170.906**	**128,03%**
I	**Tổng chi cân đối NSĐP**	**609.819**	**735.654**	**125.835**	**120,63%**
1	Chi đầu tư phát triển			0	
2	Chi thường xuyên	597.940	723.003	125.063	120,92%
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay			0	
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính			0	
5	Dự phòng ngân sách	11.880	12.651	771	106,49%
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương			0	
II	**Chi các chương trình mục tiêu**			0	
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia			0	
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ			0	
III	**Chi chuyển nguồn sang năm sau**		**40.865**	**40.865**	
IV	**Chi nộp ngân sách cấp trên**		**4.206**	**4.206**	
C	**BỘI CHI NSĐP/BỘI THU NSĐP/KẾT DƯ NSĐP**		**2.008**	**2.008**	
D	**CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSĐP**			0	
I	**Từ nguồn vay để trả nợ gốc**			0	
II	**Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh**			0	
E	**TỔNG MỨC VAY CỦA NSĐP**			0	
I	**Vay để bù đắp bội chi**			0	
II	**Vay để trả nợ gốc**			0	
G	**TỔNG MỨC DƯ NỢ VAY CUỐI NĂM CỦA NSĐP**			0	

UBND PHƯỜNG HỒNG BÀNG **Biểu số 02/CK-NSNN**

QUYẾT TOÁN NGUỒN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 872/QĐ-UBND ngày 24/4/2026 của Ủy ban nhân dân phường)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSĐP	Tổng thu NSNN	Thu NSĐP	Tổng thu NSNN	Thu NSĐP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG NGUỒN THU (A+B+C+D)	**648.870**	**609.819**	**3.684.677**	**782.733**	**568%**	**128%**
A	**TỔNG THU CÂN ĐỐI NSNN**	**69.290**	**30.240**	**2.960.081**	**58.136**	**4272%**	**192%**
I	**Thu nội địa**	**69.290**	**30.240**	**2.960.081**	**58.136**	**4272%**	**192%**
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý (1)	0	0	90.028	0		
	- Thuế giá trị gia tăng			74.867			
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp			15.162			
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt						
	- Thuế tài nguyên						
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý (2)	0	0	54.284	0		
	- Thuế giá trị gia tăng			31.769			
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp			21.500			
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt			34			
	- Thuế tài nguyên			981			
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (3)	0	0	58.218	0		
	- Thuế giá trị gia tăng			36.350			
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp			21.867			
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt						
	- Thuế tài nguyên						
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (4)	27.917	2.792	530.333	3.768	1900%	135%
	- Thuế giá trị gia tăng			360.101	3.758		
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp			170.025			
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt			208	10		
	- Thuế tài nguyên						
5	Thuế thu nhập cá nhân	13.925		239.432		1719%	
6	Thuế bảo vệ môi trường			324.796			
-	*Thuế BVMT thu từ hàng hóa sản xuất, kinh doanh trong nước*						
-	*Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu*						
7	Lệ phí trước bạ	10.678	10.678	123.236	36.782	1154%	344%
8	Thu phí, lệ phí	2.265	2.265	1.117.811	2.060	49351%	91%
-	*Phí và lệ phí trung ương*						
-	*Phí và lệ phí tỉnh*						
-	*Phí và lệ phí xã, phường, đặc khu*						
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp						
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	9.660	9.660	17.492	11.703	181%	121%
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước			71.643			
12	Thu tiền sử dụng đất			210.741			
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước						
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết						
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản			3.000			
16	Thu khác ngân sách	4.845	4.845	66.433	3.823	1371%	79%
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác						
18	Thu hồi vốn, thu cổ tức (5)			52.635			
19	Lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước (5)						

UBND PHƯỜNG HỒNG BÀNG **Biểu số 02/CK-NSNN**

QUYẾT TOÁN NGUỒN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 872/QĐ-UBND ngày 24/4/2026 của Ủy ban nhân dân phường)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSĐP	Tổng thu NSNN	Thu NSĐP	Tổng thu NSNN	Thu NSĐP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
20	Chênh lệch thu chi Ngân hàng Nhà nước (5)						
II	**Thu từ dầu thô**						
III	**Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu**						
1	Thuế xuất khẩu						
2	Thuế nhập khẩu						
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu						
4	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu						
5	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu						
6	Thu khác						
IV	**Thu viện trợ**						
B	**THU TỪ QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH**						
C	**THU KẾT DƯ NĂM TRƯỚC**			**867**	**867**		
D	**THU CHUYỂN NGUỒN TỪ NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG**	**1.000**	**1.000**	**15.681**	**15.681**	**1568%**	**1568%**
E	**THU BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN**	**578.580**	**578.580**	**708.048**	**708.048**	**122%**	**122%**
	Bổ sung mục tiêu	546.507	546.507	546.507	546.507	*100%*	*100%*
	Bổ sung cân đối	*32.073*	*32.073*	*161.541*	*161.541*	*504%*	*504%*

UBND PHƯỜNG HỒNG BÀNG **Biểu số 03/CK-NSNN**

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 872/QĐ-UBND ngày 24/4/2026 của Ủy ban nhân dân phường)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung (1)	Dự toán	Quyết toán	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	**744.376**	**776.519**	**104,32%**
A	**CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**	**744.376**	**735.654**	**98,83%**
I	**Chi đầu tư phát triển**		**0**	
1	Chi đầu tư cho các dự án		0	
	Trong đó: Chia theo lĩnh vực			
-	*Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề*			
-	*Chi khoa học và công nghệ*			
	Trong đó: Chia theo nguồn vốn			
-	*Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất*			
-	*Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết*			
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật			
3	Chi đầu tư phát triển khác			
II	**Chi thường xuyên**	**731.720**	**723.003**	**98,81%**
	Trong đó:			
1	*Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề*	*329.557*	*323.527*	98,17%
2	*Chi khoa học và công nghệ*			
III	**Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay**			
IV	**Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính**			
V	**Dự phòng ngân sách**	**12.656**	**12.651**	**99,96%**
VI	**Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương**			
B	**CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU**			
I	**Chi các chương trình mục tiêu quốc gia**			
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)			
II	**Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ**			
	(Chi tiết theo từng chương trình mục tiêu, nhiệm vụ)			
C	**CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU**		**40.865**	

UBND PHƯỜNG HỒNG BÀNG **Biểu số 04/CK-NSNN**

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (XÃ) THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 872/QĐ-UBND ngày 24/4/2026 của Ủy ban nhân dân phường)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	TỔNG CHI NSĐP	**744.376**	**776.519**	**32.143**	**104%**
A	**CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI (1)**			0	
B	**CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (XÃ) THEO LĨNH VỰC**	**744.376**	**735.654**	**-8.721**	**99%**
I	**Chi đầu tư phát triển**		**0**	0	
1	Chi đầu tư cho các dự án			0	
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề			0	
-	Chi khoa học và công nghệ			0	
-	Chi quốc phòng			0	
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội			0	
-	Chi y tế, dân số và gia đình			0	
-	Chi văn hóa thông tin			0	
-	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn			0	
-	Chi thể dục thể thao			0	
-	Chi bảo vệ môi trường			0	
-	Chi các hoạt động kinh tế			0	
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể			0	
-	Chi bảo đảm xã hội			0	
-	Chi đầu tư khác			0	
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật			0	
3	Chi đầu tư phát triển khác			0	
II	**Chi thường xuyên**	**731.720**	**723.003**	**-8.717**	**99%**
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	329.557	323.527	-6.029	98%
-	Chi khoa học và công nghệ (2)		0	0	
-	Chi quốc phòng	5.109	5.108	0	100%
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	10.537	10.448	-89	99%
-	Chi y tế, dân số và gia đình	34.331	34.303	-28	100%
-	Chi văn hóa thông tin	9.250	9.238	-12	100%
-	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	1.016	873	-142	86%
-	Chi thể dục thể thao	784	714	-70	91%

UBND PHƯỜNG HỒNG BÀNG **Biểu số 04/CK-NSNN**

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (XÃ) THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 872/QĐ-UBND ngày 24/4/2026 của Ủy ban nhân dân phường)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
-	Chi bảo vệ môi trường	2.356	2.328	-28	99%
-	Chi các hoạt động kinh tế	59.610	58.740	-870	99%
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	185.408	184.583	-825	100%
-	Chi bảo đảm xã hội	90.129	89.520	-608	99%
-	Chi thường xuyên khác	3.633	3.619	-14	100%
III	**Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay (2)**			0	
IV	**Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (2)**			0	
V	**Dự phòng ngân sách**	**12.656**	**12.651**	**-5**	**100%**
VI	**Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương**			0	
C	**CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU**		**40.865**	**40.865**	

UBND PHƯỜNG HỒNG BÀNG **Biểu số 05/CK-NSNN**

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH VÀ CHI NGÂN SÁCH XÃ THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 872/QĐ-UBND ngày 24/4/2026 của Ủy ban nhân dân phường)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung (1)	Dự toán năm	Bao gồm		Quyết toán	Bao gồm		So sánh (%)		
			Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách xã		Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách xã	Ngân sách địa phương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách xã
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI NSĐP	**744.376**	**129.468**	**614.908**	**776.519**	**129.468**	**647.051**	**104,32%**	**100,00%**	**105,23%**
A	**CHI CÂN ĐỐI NSĐP**	**744.376**	**129.468**	**614.908**	**735.654**	**128.652**	**607.002**	**98,83%**	**99,37%**	**98,71%**
I	**Chi đầu tư phát triển**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
1	Chi đầu tư cho các dự án									
	Trong đó: Chia theo lĩnh vực									
-	*Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề*									
-	*Chi khoa học và công nghệ*									
	Trong đó: Chia theo nguồn vốn									
-	*Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất*									
-	*Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết*									
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật									
3	Chi đầu tư phát triển khác									
II	**Chi thường xuyên**	**731.720**	**128.692**	**603.028**	**723.003**	**127.876**	**595.127**	**98,81%**	**99,37%**	**98,69%**
	Trong đó:									
1	*Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề*	*329.557*	*42.035*	*287.522*	*323.527*	*42.035*	*281.492*	*98,17%*	*100,00%*	*97,90%*
2	*Chi khoa học và công nghệ*									
III	**Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay**									
IV	**Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính**									
V	**Dự phòng ngân sách**	**12.656**	**776**	**11.880**	**12.651**	**776**	**11.875**	**99,96%**	**100,00%**	**99,96%**
1	*Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề*	*831*	*594*	*237*	*826*	*594*	*233*	*99,42%*	*100,00%*	*97,98%*

UBND PHƯỜNG HỒNG BÀNG **Biểu số 05/CK-NSNN**

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH VÀ CHI NGÂN SÁCH XÃ THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 872/QĐ-UBND ngày 24/4/2026 của Ủy ban nhân dân phường)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung (1)	Dự toán năm	Bao gồm		Quyết toán	Bao gồm		So sánh (%)		
			Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách xã		Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách xã	Ngân sách địa phương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách xã
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
2	*Chi khoa học và công nghệ*									
VI	**Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương**									
B	**CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU**									
I	**Chi các chương trình mục tiêu quốc gia**									
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)									
II	**Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ**									
	(Chi tiết theo từng chương trình mục tiêu, nhiệm vụ)									
C	**CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU**				**40.865**	**816**	**40.049**			

UBND PHƯỜNG HỒNG BÀNG

Biểu số 06/CK-NSNN

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (XÃ) CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 872/QĐ-UBND ngày 24/4/2026 của Ủy ban nhân dân phường)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán (1)			Quyết toán									So sánh (%)		
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay (2)	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (2)	Chi chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên
										Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	TỔNG SỐ	**742.736**	**0**	**742.736**	**735.654**	**0**	**735.654**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**6.292**			
I	**CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC**	**730.080**	**0**	**730.080**	**723.003**	**0**	**723.003**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**6.292**			
1	Văn phòng Đảng uỷ phường Hồng Bàng	14.109		14.109	14.109		14.109						-			
2	Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường Hồng Bàng	8.530		8.530	8.530		8.530						-			
3	Văn phòng Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân phường Hồng Bàng	28.995		28.995	28.178		28.178						816			
4	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Hồng Bàng	278.345		278.345	278.209		278.209						-			
5	Phòng Văn hoá - Xã hội phường Hồng Bàng	35.690		35.690	35.624		35.624						-			
6	Trung tâm Phục vụ hành chính công phường Hồng Bàng	1.606		1.606	1.606		1.606						-			
7	Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công phường Hồng Bàng	1.781		1.781	1.781		1.781						-			
8	Trung tâm Chính trị phường Hồng Bàng	1.642		1.642	1.601		1.601						-			
9	Trường mầm non Bạch Đằng	8.510		8.510	8.346		8.346						161			
10	Trường Mầm non Hạ Lý	7.350		7.350	7.079		7.079						271			
11	Trường mầm non Hoàng Văn Thụ	10.774		10.774	10.459		10.459						307			
12	Trường Mầm Non Hùng Vương	9.760		9.760	9.028		9.028						727			
13	Trường Mầm non Minh Khai	8.189		8.189	7.499		7.499						690			
14	Trường Mầm non Phan Bội Châu	10.443		10.443	10.231		10.231						212			
15	Trường Mầm non Sở Dầu	12.260		12.260	12.135		12.135						100			
16	Trường Mầm non Thượng Lý	9.403		9.403	9.034		9.034						369			
17	Trường Mầm non Trại Chuối	7.102		7.102	6.886		6.886						216			
18	Trường THCS Bạch Đằng	13.908		13.908	13.802		13.802						100			
19	Trường THCS Hồng Bàng	30.895		30.895	30.353		30.353						508			
20	Trường THCS Hùng Vương	11.945		11.945	11.908		11.908						25			
21	Trường THCS Ngô Gia Tự	21.177		21.177	20.679		20.679						497			
22	Trường THCS Trần Văn Ơn	10.038		10.038	9.882		9.882						156			

UBND PHƯỜNG HỒNG BÀNG

Biểu số 06/CK-NSNN

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (XÃ) CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 872/QĐ-UBND ngày 24/4/2026 của Ủy ban nhân dân phường)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán (1)			Quyết toán									So sánh (%)		
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay (2)	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (2)	Chi chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên
										Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
23	Trường tiểu học Bạch Đằng	18.573		18.573	18.464		18.464						77			
24	Trường Tiểu học Đinh Tiên Hoàng	30.158		30.158	29.714		29.714						444			
25	Trường Tiểu học Hùng Vương	16.331		16.331	15.752		15.752						389			
26	Trường tiểu học Ngô Gia Tự	21.336		21.336	21.209		21.209						4			
27	Trường tiểu học Nguyễn Huệ	9.721		9.721	9.718		9.718						-			
28	Trường tiểu học Nguyễn Trãi	8.825		8.825	8.796		8.796						26			
29	Trường tiểu học Nguyễn Tri Phương	15.855		15.855	15.755		15.755						97			
30	Trường tiểu học Trần Văn Ơn	14.249		14.249	14.062		14.062						100			
31	Bảo hểm xã hội thành phố Hải Phòng	7.545		7.545	7.545		7.545						-			
32	Bảo hiểm xã hội cơ sở Hồng Bàng	7.896		7.896	7.896		7.896						-			
33	Thuế cơ sở 2 Thành phố Hải Phòng	500		500	493		493						-			
34	Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hải Phòng	150		150	150		150						-			
35	Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Hải Phòng	100		100	100		100						-			
36	Thống kê cơ sở Hồng Bàng	400		400	400		400						-			
37	Bảo hiểm xã hội quận Hồng Bàng	21.391		21.391	21.391		21.391						-			
38	Chi cục Thống kê Quận Hồng Bàng	349		349	349		349						-			
39	Chi Cục thuế Khu vực Hồng Bàng - An Dương	500		500	500		500						-			
40	Hội người mù quận Hồng Bàng	64		64	64		64						-			
41	Phòng Tài chính - Kế hoạch Quận Hồng Bàng	320		320	320		320						-			
42	Quận Uỷ Hồng Bàng	13.245		13.245	13.245		13.245						-			
43	Toà án Nhân dân Quận Hồng Bàng	120		120	120		120						-			
II	**CHI TRẢ NỢ LÃI CÁC KHOẢN DO CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG VAY (2)**															
III	**CHI BỔ SUNG QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH (2)**															
IV	**CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH**	**12.656**	**0**	**12.656**	**12.651**	**0**	**12.651**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**			

UBND PHƯỜNG HỒNG BÀNG

Biểu số 06/CK-NSNN

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (XÃ) CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 872/QĐ-UBND ngày 24/4/2026 của Ủy ban nhân dân phường)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán (1)			Quyết toán									So sánh (%)		
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay (2)	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (2)	Chi chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên
										Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	*Ban chỉ huy quân sự Quận Hồng Bàng*	*140*		*140*	140		*140*									
2	*Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Hồng Bàng*	*11.276*		*11.276*	11.276		*11.276*									
3	*Quận Uỷ Hồng Bàng*	*382*		*382*	382		*382*									
4	*Trường THCS Bạch Đằng*	*204*		*204*	202		*202*									
5	*Trường THCS Hồng Bàng*	*57*		*57*	57		*57*									
6	*Trường THCS Hùng Vương*	*118*		*118*	118		*118*									
7	*Trường THCS Ngô Gia Tự*	*189*		*189*	189		*189*									
8	*Trường THCS Trần Văn Ơn*	*135*		*135*	135		*135*									
9	*Trường tiểu học Nguyễn Trãi*	*89*		*89*	88		*88*									
10	*Trường tiểu học Trần Văn Ơn*	*40*		*40*	38		*38*									
11	*Văn phòng Đảng uỷ phường Hồng Bàng*	*28*		*28*	28		*28*									
V	**CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG**															
VI	**CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI (3)**															
VII	**CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU**															

UBND PHƯỜNG HỒNG BÀNG

Biểu số 07/CK-NSNN

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG TỪNG PHƯỜNG NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 872/QĐ-UBND ngày 24/4/2026 của Ủy ban nhân dân phường)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị (1)	Dự toán (2)			Quyết toán											So sánh (%)		
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Tổng số	Chi đầu tư phát triển			Chi thường xuyên			Chi CTMTQG			Chi chuyển nguồn sang năm sau	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên
						Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó					
							Chi giáo dục đào tạo dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ		Chi giáo dục đào tạo dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ (3)		Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15= 4/1	16= 5/2	17
	TỔNG SỐ	**744.376**		**744.376**	**735.654**				**735.654**	**324.354**					**6.292**	**98,83%**		**98,83%**
1	Phường Hồng Bàng	744.376		744.376	735.654				735.654	324.354					6.292	98,83%		98,83%

UBND PHƯỜNG HỒNG BÀNG **Biểu số 08/CK-NSNN**

QUYẾT TOÁN CHI BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO NGÂN SÁCH TỪNG XÃ NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 872/QĐ-UBND ngày 24/4/2026 của Ủy ban nhân dân phường)

STT	Tên đơn vị (1)	Dự toán giao đầu năm					Quyết toán					So sánh (%)				
		Tổng số	Bổ sung cân đối ngân sách	Bổ sung có mục tiêu			Tổng số	Bổ sung cân đối ngân sách	Bổ sung có mục tiêu			Tổng số	Bổ sung cân đối ngân sách	Bổ sung có mục tiêu		
				Tổng số	Gồm	Vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách			Tổng số	Gồm	Vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách			Tổng số	Gồm	Vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách
					Vốn trong nước					Vốn trong nước					Vốn trong nước	
A	B	1	2	3=4+5	5	7	9	10	11=12+13	13	15	17=9/1	18=10/2	19=11/3	21=13/5	23=15/7
	TỔNG SỐ	**578.580**	**546.507**	**32.073**	**32.073**	**32.073**	**708.048**	**546.507**	**161.541**	**161.541**	**161.541**	**122%**	**100%**	**504%**	**504%**	**504%**
1	Phường Hồng Bàng	578.580	546.507	32.073	32.073	32.073	708.048	546.507	161.541	161.541	161.541	122%	100%	504%	504%	504%

UBND PHƯỜNG HỒNG BÀNG

Biểu số 09/CK-NSNN

QUYẾT TOÁN CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 872/QĐ-UBND ngày 24/4/2026 của Ủy ban nhân dân phường)

STT	Nội dung (1)	Dự toán			Quyết toán										So sánh (%)		
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Chương trình mục tiêu quốc gia ….							Tổng số	Trong đó	
			Đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp		Đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp	Tổng số	Chi đầu tư phát triển			Kinh phí sự nghiệp				Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên
									Tổng số	Chia ra		Tổng số	Chia ra				
										Vốn trong nước	Vốn ngoài nước		Vốn trong nước	Vốn ngoài nước			
A	B	1	2	3	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	16=5/1	17=6/2	18=7/3
	TỔNG SỐ																
I	**Ngân sách cấp tỉnh (xã)**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
1	Không có chương trình mục tiêu quốc gia tại phường Hồng Bàng																